

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 02 – 2020

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha

2. Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 982/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thúy E, sinh năm: 1984. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp I, xã AX, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trần Trung K, sinh năm: 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã HT, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thúy E trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Trung K xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 04/4/2017. Thời gian chung sống, chị và anh K phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị và anh K không còn sống chung nhà và đã ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Trung K.

- Về con chung: Chị và anh K không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh K không có tài sản chung.
- Về nợ chung: Chị và anh K không có nợ chung, không ai nợ lại anh, chị.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Trung K trình bày và xác định quan điểm như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thúy E chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 12/5/2011. Quá trình chung sống, anh và chị E bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thúy E.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.
- Về vấn đề khác: Anh K xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thúy E và anh Trần Trung K có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị E xin ly hôn. Anh K đang cư trú tại thành phố C. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân và Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết; chị E và anh K đã được thông báo đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K vắng mặt nên vụ án không hòa giải được. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Anh K xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy E và anh Trần Trung K xác định anh, chị kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của chị E và anh K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian chung sống, anh K và chị E xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị E xin ly hôn, anh K cũng đồng ý ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị E, cho chị E ly hôn anh K.

[3] Về con chung: Chị E và anh K xác định anh, chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị E và anh K xác định anh, chị không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị E và anh K xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị E là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thúy E về việc xin ly hôn anh Trần Trung K.

2 - Về con chung: Không có.

3 - Về tài sản chung: Không có.

4 - Về nợ chung: Không có.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thúy E phải chịu 300.000đ. Ngày 13 tháng 12 năm 2019, chị E đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0001152) được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- UBND xã HT, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân